

Số: 03/2024/QĐST-HNGĐ

Quận 4, ngày 15 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101 và Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 199/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/5/2024 về “Xác định cha cho con”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Diễm K**, sinh năm 1978

Nơi cư trú: **Số C đường T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Huỳnh N**, sinh năm 1974

Nơi cư trú: **Số C đường T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định ông **Nguyễn Huỳnh N**, sinh năm 1974 là cha ruột của trẻ **Nguyễn Ngọc H** (tên giả định) do bà **Đinh Thị Diễm K** sinh ngày 14/12/2023 theo Giấy chứng sinh số 64191-ST, quyển số 141223 do Bệnh viện Từ Dũ cấp 14/12/2023 (theo Kết luận giám định ADN số KL-VCI.1608/2024 ngày 18/3/2024 của **V** và ứng dụng công nghệ VIETCARE).

Đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ **Nguyễn Ngọc H** (tên giả định), sinh ngày 14/12/2023 theo Giấy chứng sinh số 64191-ST, quyển số 141223 do Bệnh viện Từ Dũ cấp 14/12/2023 theo quy định pháp luật.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Đinh Thị Diễm K** được miễn án phí sơ thẩm hòa giải thành. Ông **Nguyễn Huỳnh N** phải nộp toàn bộ án phí sơ thẩm hòa giải thành là 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trần Hồng Loan

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày.....tháng.....năm về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:.../.../TLST-.....⁽³⁾ ngày...tháng... năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:⁽⁴⁾

.....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁵⁾

.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.